

Bản án số: 435/2020/DS-PT

Ngày 18 – 09 – 2020

V/v “tranh chấp thừa kế tài sản”.

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Duyên

Các Thẩm phán: Bà Nguyễn Thị Thụy Vũ

Ông Nguyễn Đức Minh

- Thư ký phiên tòa: Bà Võ Thị Phương Thu – Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh: Ông Nguyễn Văn Đức – Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 18 tháng 9 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh mở phiên tòa xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 277/2020/TLPT-DS ngày 28 tháng 4 năm 2020 về việc “tranh chấp thừa kế tài sản”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 03/2020/DS-ST ngày 24 tháng 02 năm 2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Trà Vinh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 1112/2020/QĐ-PT ngày 26 tháng 6 năm 2020 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1951 (có mặt).

Địa chỉ: số 57/22/1 đường PTB, phường 4, thành phố VL, tỉnh Vĩnh Long.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn ông Nguyễn Văn Đ: Luật sư Huỳnh Chí Tr, Công ty luật hợp danh TP thuộc Đoàn luật sư Thành phố Cần Thơ (có mặt).

2. Bị đơn:

2.1. Ông Nguyễn Thành Ng, sinh năm 1942 (chết năm 2015).

Người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của ông Nguyễn Thành Ng:

Bà Nguyễn Thị U, sinh năm 1954 (có mặt).

Địa chỉ: số 37F ấp HQ, xã TĐ, huyện LH, tỉnh Vĩnh Long.

Ông Nguyễn Thanh H, sinh năm 1964 (có mặt).

Địa chỉ: số 320 ấp TVT, xã TN, thành phố VL, tỉnh Vĩnh Long.

Bà Nguyễn Thu C, sinh năm 1969 (có mặt).

Địa chỉ: ấp HQ, xã TĐ, huyện LH, tỉnh Vĩnh Long.

Bà Nguyễn Thu H, sinh năm 1967 (có mặt).

Địa chỉ: số 450 đường TNV, phường HTĐ, Thành phố Đà Nẵng.

Bà Nguyễn Thu S, sinh năm 1972 (xin xét xử vắng mặt).

Địa chỉ: số 52/84/95B đường NH, phường 2, thành phố VL, tỉnh Vĩnh Long.

Bà Nguyễn Thu G, sinh năm 1973 (xin xét xử vắng mặt).

Địa chỉ: 2145 TX, USA.

Ông Nguyễn Quốc H, sinh năm 1975 (xin xét xử vắng mặt).

Địa chỉ: Nsw 2200, Australia.

Ông Nguyễn Quốc H1, sinh năm 1976 (có mặt).

Địa chỉ: số 320 ấp TVT, xã TN, thành phố VL, tỉnh Vĩnh Long.

Ông Nguyễn Thành Tr, sinh năm 1979 (có mặt).

Địa chỉ: ấp TT, xã HH, huyện TB, tỉnh Vĩnh Long.

Ông Nguyễn Quốc H2, sinh năm 1983 (vắng mặt).

Địa chỉ: số 112A đường ĐTH, phường 8, thành phố VL, tỉnh Vĩnh Long.

- Người đại diện hợp pháp của ông Nguyễn Quốc H2: Bà Nguyễn Thu H, sinh năm 1967, theo văn bản ủy quyền ngày 26/9/2019 (có mặt).

Địa chỉ: số 450 đường TNV, phường HTĐ, Thành phố Đà Nẵng.

2.2. Bà Nguyễn Thị D, sinh năm 1963 (có mặt).

Địa chỉ: ấp TQ2, xã APT, huyện CK, tỉnh Trà Vinh.

2.3. Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1965 (xin xét xử vắng mặt).

Địa chỉ: số 459 ấp DA, xã APT, huyện CK, tỉnh Trà Vinh.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Bà Nguyễn Thị S1, sinh năm 1944 (xin xét xử vắng mặt).

Địa chỉ: ấp TP, xã TTh, huyện TO, tỉnh Vĩnh Long.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Sạng: Bà Nguyễn Thị D, sinh năm 1963 (có mặt).

Địa chỉ: ấp TQ2, xã APT, huyện CK, tỉnh Trà Vinh.

3.2. Ông Nguyễn Văn Đ1, sinh năm 1955 (vắng mặt).

Địa chỉ: số 01E đường TP, phường P4, thành phố VL, tỉnh Vĩnh Long.

3.3. Ông Nguyễn Văn N1, sinh năm 1957 (vắng mặt).

Địa chỉ: số 168, khóm K4, phường P9, thành phố VL, tỉnh Vĩnh Long.

3.4. Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1960 (vắng mặt).

Địa chỉ: ấp TL, xã TTh, huyện TO, tỉnh Vĩnh Long.

3.5. Bà Hoàng Thị D1, sinh năm 1940 (vắng mặt).

Địa chỉ: ấp 3A, xã AT, huyện CL, tỉnh Trà Vinh.

- Người đại diện hợp pháp của bà Hoàng Thị D1: Ông Nguyễn Văn B, sinh năm 1980 theo văn bản ủy quyền ngày 11/11/2019 (xin xét xử vắng mặt).

Địa chỉ: ấp 3A, xã AT, huyện CL, tỉnh Trà Vinh.

3.6. Ông Nguyễn Quốc Th, sinh năm 1976 (vắng mặt).

Địa chỉ: số 57/22/1 đường PTB, phường 4, thành phố VL, tỉnh Vĩnh Long.

- Người đại diện hợp pháp của ông Nguyễn Quốc Th: Ông Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1951, theo văn bản ủy quyền ngày 23/7/2020 (có mặt).

Địa chỉ: số 57/22/1 đường PTB, phường 4, thành phố VL, tỉnh Vĩnh Long.

3.7. Ông Nguyễn Minh Th, sinh năm 1977 (vắng mặt).

- Người đại diện hợp pháp của ông Nguyễn Minh Th: Ông Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1951, theo văn bản ủy quyền ngày 23/7/2020 (có mặt).

Địa chỉ: số 57/22/1 đường PTB, phường 4, thành phố VL, tỉnh Vĩnh Long.

3.8. Bà Nguyễn Thị Lệ H, sinh năm 1955 (vắng mặt).

Cùng địa chỉ: số 55/22/1 đường PTB, phường 4, thành phố VL, tỉnh Vĩnh Long.

- Người đại diện hợp pháp của bà Nguyễn Thị Lệ H: Ông Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1951, theo văn bản ủy quyền ngày 27/7/2020 (có mặt).

Địa chỉ: số 57/22/1 đường PTB, phường 4, thành phố VL, tỉnh Vĩnh Long.

3.9. Ông Phan Văn T, sinh năm 1963 (vắng mặt).

3.10. Bà Phan Thị Nhật T, sinh năm 1990 (vắng mặt).

3.11. Ông Phan Hải Đ, sinh năm 1992 (vắng mặt).

Cùng địa chỉ: ấp TQ2, xã APT, huyện CK, tỉnh Trà Vinh.

- Người đại diện hợp pháp của ông Phan Văn T, bà Phan Thị Nhật T, ông Phan Hải Đ: Bà Nguyễn Thị D, sinh năm 1963, theo văn bản ủy quyền ngày 09/9/2013 (có mặt).

Địa chỉ: ấp TQ2, xã APT, huyện CK, tỉnh Trà Vinh.

3.12. Bà Võ Thị X, sinh năm 1970 (vắng mặt).

Địa chỉ: ấp DA, xã APT, huyện CK, tỉnh Trà Vinh.

- Người đại diện hợp pháp của bà Võ Thị X: Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1965, theo văn bản ủy quyền ngày 06/11/2019 (xin xét xử vắng mặt).

Địa chỉ: ấp DA, xã APT, huyện CK, tỉnh Trà Vinh.

3.13. Ông Nguyễn Quốc L, sinh năm 1992 (vắng mặt).

Địa chỉ: ấp DA, xã APT, huyện CK, tỉnh Trà Vinh.

- Người đại diện hợp pháp của ông Nguyễn Quốc L: Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1965, theo văn bản ủy quyền ngày 24/02/2020 (xin xét xử mặt).

Địa chỉ: ấp DA, xã APT, huyện CK, tỉnh Trà Vinh.

3.14. Bà Nguyễn Ngọc N, sinh năm 1939 (chết).

- Người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của bà Nguyễn Ngọc N:

Ông Nguyễn Thanh H, sinh năm 1964 (có mặt).

Địa chỉ: số 320 ấp TVT, xã TN, thành phố VL, tỉnh Vĩnh Long.

Bà Nguyễn Thu C, sinh năm 1969 (có mặt).

Địa chỉ: ấp HQ, xã TĐ, huyện LH, tỉnh Vĩnh Long.

Ông Nguyễn Quốc H1, sinh năm 1976 (có mặt).

Địa chỉ: số 320 ấp TVT, xã TN, thành phố VL, tỉnh Vĩnh Long.

Bà Nguyễn Thu H, sinh năm 1967 (có mặt).

Địa chỉ: số 450 đường TNV, phường HTĐ, Thành phố Đà Nẵng.

Bà Nguyễn Thu S, sinh năm 1972 (xin xét xử vắng mặt).

Địa chỉ: số 52/84/95B đường NH, phường 2, thành phố VL, tỉnh Vĩnh Long.

Bà Nguyễn Thu G, sinh năm 1973 (xin xét xử vắng mặt).

Địa chỉ: Garland, TX, USA.

Ông Nguyễn Quốc H, sinh năm 1975 (xin xét xử vắng mặt).

Địa chỉ: Nsw 2200, Australia.

4. Người kháng cáo: nguyên đơn ông Nguyễn Văn Đ.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện ngày 01 tháng 3 năm 2013, đơn khởi kiện bổ sung ngày 25 tháng 11 năm 2014 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, cũng như tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn ông Nguyễn Văn Đ trình bày: Cha mẹ của ông là ông Nguyễn Văn Th2 (chết năm 1964) và bà Nguyễn Thị Nh (chết năm 2012), ông Th2 và bà Nh có 09 người con gồm, Nguyễn Thị S1, Nguyễn Thành Ng (chết), Nguyễn Văn Đ, Nguyễn Thị N (chết không có chồng, con), Nguyễn Văn Đ1, Nguyễn Văn N1, Nguyễn Thị H, Nguyễn Thị D và Nguyễn Văn T. Lúc sinh thời, ông Th2 và bà Nh có tạo lập được đất vườn và đất ruộng, sau khi chia đất cho con và cháu thì diện tích đất

còn lại 10.803m², trong đó có thửa đất số 1403, diện tích 900m², loại đất trồng lúa, tờ bản đồ số 3 và thửa đất số 1404, diện tích 860m², loại đất trồng màu, tờ bản đồ số 3, tọa lạc tại ấp DA, xã APT, huyện CK, tỉnh Trà Vinh. Ông Th2 chết không có để lại di chúc, bà Nh chết có để lại di chúc lập ngày 02/8/2007, nội dung di chúc bà Nh cho ông diện tích đất 1.000m², thuộc thửa số 1403, 1404. Sau khi bà Nh chết, năm 2012 bà Nguyễn Thị D và ông Nguyễn Thành Ng tự ý xây dựng nhà trên phần đất bà Nh để lại thừa kế cho ông. Nay ông yêu cầu bà Nguyễn Thị D; những người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của ông Nguyễn Thành Ng di dời nhà và ông Nguyễn Văn T di dời cây trái có trên đất để trả lại diện tích đất 1.000m², thuộc một phần thửa số 1403, 1404, cùng tờ bản đồ số 3, tọa lạc tại ấp DA, xã APT, huyện CK, tỉnh Trà Vinh cho ông theo di chúc ngày 02/8/2007 của bà Nh chết để lại di sản thừa kế cho ông.

Theo lời khai của bị đơn ông Nguyễn Thành Ng có trong hồ sơ vụ án và các lời khai của những người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của ông Nguyễn Thành Ng, gồm bà Nguyễn Thị U, ông Nguyễn Thanh H, bà Nguyễn Thu C, bà Nguyễn Thu H, bà Nguyễn Thu S, bà Nguyễn Thu G, ông Nguyễn Quốc H, ông Nguyễn Quốc H1, ông Nguyễn Thành Tr và ông Nguyễn Quốc H2 trong quá trình giải quyết vụ án, cũng như tại phiên tòa hôm nay, trình bày: Cha mẹ của ông Nguyễn Thành Ng là ông Nguyễn Văn Th2 (chết năm 1964) và bà Nguyễn Thị Nh (chết năm 2012), ông Th2, bà Nh có 09 người con và nguồn gốc đất như ông Nguyễn Văn Đ trình bày là đúng. Sau khi bà Nh chết, anh em của ông Ng đã thống nhất cho ông Ng cất nhà trên đất tranh chấp nhưng ông Đ ngăn cản. Năm 2007 ông Đ tự ý lập di chúc chia tài sản của ông Th2, bà Nh cho ông Đ diện tích đất 1.000m², thuộc một phần thửa số 1403, 1404, cùng tờ bản đồ số 3, tọa lạc tại ấp DA, xã APT, huyện CK, tỉnh Trà Vinh, di chúc này không thể hiện ý chí của bà Nh và chưa được sự đồng ý của anh em trong gia đình, vì đây là tài sản chung của ông Th2 với bà Nh. Do di chúc không hợp pháp nên các ông bà không đồng ý theo yêu cầu khởi kiện của ông Đ.

Bị đơn bà Nguyễn Thị D, trình bày: Cha mẹ của bà là ông Nguyễn Văn Th2 (chết năm 1964) và bà Nguyễn Thị Nh (chết năm 2012), ông Th2, bà Nh có 09 người con và nguồn gốc đất như ông Nguyễn Văn Đ trình bày là đúng. Sau khi bà Nh chết, anh em của bà thống nhất cho bà cất nhà diện tích khoảng 375m² trên một phần thửa đất số 1403 nhưng ông Đ ngăn cản. Năm 2007 ông Đ tự ý lập di chúc chia tài sản của ông Th2, bà Nh cho ông Đ diện tích đất 1.000m², thuộc một phần thửa số 1403, 1404, cùng tờ bản đồ số 3, tọa lạc tại ấp DA, xã APT, huyện CK, tỉnh Trà Vinh, di chúc này không thể hiện ý chí của bà Nh và chưa được sự đồng ý của anh em trong gia đình, vì đây là tài sản chung của ông Th2 với bà Nh. Do di chúc không hợp pháp nên bà không đồng ý theo yêu cầu khởi kiện của ông Đ.

Bị đơn ông Nguyễn Văn T, trình bày: Ông là con của ông Th2 và bà Nh, về quan hệ nhân thân và nguồn gốc đất tranh chấp như ông Đ trình bày là đúng. Ông Th2 chết không có để lại di chúc, bà Nh chết có để lại di chúc lập ngày 02/8/2007, ông là người chở bà Nh đến Ủy ban nhân dân xã APT xác nhận di chúc, nội dung di chúc là chia đất cho ông, bà D1 và ông Đ. Ông Đ yêu cầu bà Nguyễn Thị D và những người kế thừa

quyền, nghĩa vụ tố tụng của ông Nguyễn Thành Ng di dời nhà để trả lại diện tích đất 1.000m², thuộc một phần thửa số 1403, 1404, cùng tờ bản đồ số 3, tọa lạc tại ấp DA, xã APT, huyện CK, tỉnh Trà Vinh cho ông Đ thì ông yêu cầu xem xét theo quy định của pháp luật. Riêng tài sản có trên đất tranh chấp, gồm cây trái do ông T trồng thì ông yêu cầu ông Đ bồi thường giá trị cây trồng trên đất bằng 10.000.000 đồng và tiền công tôn tạo đất bằng 10.000.000 đồng. Tại phiên tòa sơ thẩm, ông T tự nguyện rút lại toàn bộ yêu cầu phản tố trên.

Theo ông Nguyễn Văn B là người đại diện hợp pháp cho người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Hoàng Thị D1, trình bày: Bà Hoàng Thị D1 là em dâu của bà Nh, ngày 02/8/2007 bà Nh có lập di chúc để lại diện tích 1.000m², thuộc thửa đất số 1404, 1405 cho bà D1. Nay bà D1 không có yêu cầu gì đối với diện tích đất 1.000m² mà bà Nh lập di chúc để lại cho bà D1.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị S1, ông Nguyễn Văn Đ1, ông Nguyễn Văn N1 và bà Nguyễn Thị H, trình bày: Nguồn gốc đất tranh chấp diện tích 1.000m², thuộc một phần thửa số 1403, 1404, cùng tờ bản đồ số 3, tọa lạc tại ấp DA, xã APT, huyện CK, tỉnh Trà Vinh là di sản của cha mẹ chết để lại, không có để lại di chúc. Tờ di chúc bà Nh lập ngày 02/8/2007 do ông Đ cung cấp là do ông Đ tự làm, không phải ý chí của bà Nh, vì lúc này bà Nh đã lớn tuổi, bệnh phổi và tim việc đi lại rất khó khăn nên không thể lập di chúc được nên các ông bà không đồng ý theo yêu cầu khởi kiện của ông Đ.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan tham gia tố tụng đứng về phía nguyên đơn bà Nguyễn Thị Lệ H, ông Nguyễn Quốc Th và ông Nguyễn Minh Th có lời trình bày và yêu cầu như nguyên đơn ông Nguyễn Văn Đ.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan tham gia tố tụng đứng về phía bị đơn ông Phan Văn T, bà Phan Thị Nhật T và ông Phan Hải Đ có lời trình bày và yêu cầu như bị đơn bà Nguyễn Thị D.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan tham gia tố tụng đứng về phía bị đơn bà Võ Thị X và ông Nguyễn Quốc L có lời trình bày và yêu cầu như bị đơn ông Nguyễn Văn T.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn ông Nguyễn Văn Đ, trình bày: Thửa đất số 1364, 1377, 1387, 1403, 1378, 1404, 1405, tọa lạc tại ấp DA, xã APT, huyện CK, tỉnh Trà Vinh đã được Ủy ban nhân dân huyện CK cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ bà Nguyễn Thị Nh năm 1996, năm 2007 bà Nh lập di chúc có 03 người làm chứng, Ban nhân dân ấp và Ủy ban nhân dân xã xác nhận, đến năm 2012 bà Nh chết. Sau đó, bà Dừa và ông Ng tự ý cất nhà trên đất mà bà Nh đã lập di chúc cho ông Đ, thời điểm này ông Đ có đơn gửi chính quyền địa phương xin chia thừa kế và ngăn chặn bà Dừa và ông Ng cất nhà nhưng bà Dừa và ông Ng vẫn cất nhà trong khi đất đang có tranh chấp là không đúng. Mặt khác, ông T là con của bà Nh cũng thừa nhận chính ông là người chở bà Nh đi xác nhận ở Ủy ban nhân dân xã APT. Đồng thời, sau khi ông Th2 chết thì bà Nh mới được Ủy ban nhân dân huyện CK cấp

giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, ông Th2 chết năm 1964 tính đến nay đã hết thời hiệu khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án các đương sự không có yêu cầu chia thừa kế di sản của ông Th2 chết để lại. Từ đó, cho thấy di chúc của bà Nh lập ngày 02/8/2007 là hợp pháp đúng quy định tại các Điều 646, Điều 647, Điều 648, Điều 649, Điều 650, Điều 652, Điều 653, Điều 656 của Bộ luật dân sự năm 2005 nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số: 03/2020/DS-ST ngày 24 tháng 02 năm 2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Trà Vinh đã quyết định như sau:

Căn cứ khoản 5 Điều 26, khoản 2 Điều 37, Điều 147, Điều 157, Điều 165, Điều 217, Điều 218, Điều 219, khoản 1 Điều 273 và Điều 479 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Căn cứ Điều 646, Điều 652, Điều 653, Điều 654 và Điều 656 của Bộ luật dân sự năm 2005.

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Văn Đ, về việc yêu cầu bà Nguyễn Thị D; những người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của ông Nguyễn Thành Ng di dời nhà và ông Nguyễn Văn T di dời cây trái có trên đất để trả lại diện tích đất 1.000m², thuộc một phần thửa số 1403, 1404, cùng tờ bản đồ số 3, tọa lạc tại ấp DA, xã APT, huyện CK, tỉnh Trà Vinh cho ông Nguyễn Văn Đ theo di chúc bà Nguyễn Thị Nh lập ngày 02/8/2007.

2. Đình chỉ yêu cầu phản tố của ông Nguyễn Văn T, về việc yêu cầu ông Nguyễn Văn Đ bồi thường giá trị cây trồng trên đất bằng 10.000.000 đồng (Mười triệu đồng) và tiền công tôn tạo đất bằng 10.000.000 đồng (Mười triệu đồng).

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về chi phí tố tụng khác, án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 09/3/2020, ông Nguyễn Văn Đ kháng cáo yêu cầu sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa phúc thẩm

Người kháng cáo ông Nguyễn Văn Đ giữ nguyên yêu cầu kháng cáo và trình bày: Đề nghị Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm xử chấp nhận yêu cầu kháng cáo của mình và sửa bản án sơ thẩm theo hướng công nhận di chúc của bà Nguyễn Thị Nh, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc chia tài sản thừa kế theo di chúc. Tại phiên tòa, người kháng cáo cung cấp cho Hội đồng xét xử một đoạn ghi âm, người kháng cáo trình bày đoạn ghi âm có nội dung ghi lại lời bà Nhường để lại di sản thừa kế cho ông Nguyễn Văn T, Nguyễn Văn Đ và Hoàng Thị D1.

Bị đơn bà Nguyễn Thị D, người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của ông Nguyễn Thành Ng và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan cùng phía với bị đơn trình bày: Không công nhận đoạn ghi âm do người kháng cáo cung cấp, không đồng ý yêu cầu kháng cáo của người kháng cáo, đề nghị Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Phản tranh luận

Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của nguyên đơn trình bày:

Nhận định của Tòa án cấp sơ thẩm là chưa khách quan, mặc dù bà Nh không điểm chỉ vào từng trang của di chúc nhưng bản di chúc có đánh số trang, có đóng giáp lai, các nhân chứng ông Phạm Văn O và ông Trịnh Văn S2 xác nhận có ký tên làm chứng, ông Nguyễn Minh K là chủ tịch UBND xã cũng xác nhận chữ ký trong di chúc. Theo kết luận của Trung tâm giám định y khoa tỉnh Trà Vinh ngày 21/7/2007 thì bà Nh đủ sức khỏe để lập di chúc. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, công nhận di chúc là hợp pháp và chấp nhận yêu cầu chia tài sản thừa kế theo di chúc.

Bị đơn bà Nguyễn Thị D, người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của ông Nguyễn Thành Ng và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan cùng phía với bị đơn trình bày:

Tờ di chúc của bà Nguyễn Thị Nh ngày 02/8/2007 là không hợp pháp. Di chúc này không thể hiện ý chí của bà Nh và chưa được sự đồng ý của anh em trong gia đình, vì đây là tài sản chung của ông Th2 với bà Nh. Đề nghị Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm bác kháng cáo của nguyên đơn, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh nêu quan điểm giải quyết vụ án:

Về thủ tục tố tụng Tòa án cấp sơ thẩm và phúc thẩm đã tiến hành đúng theo qui định của luật tố tụng hiện hành, không làm ảnh hưởng tới quyền và lợi ích hợp pháp của các đương sự.

Xét về nội dung vụ án:

Xét bản di chúc ngày 02/8/2007 của bà Nguyễn Thị Nh có người làm chứng ký tên xác nhận nhưng kết quả xác minh cho thấy bà Nh đã không điểm chỉ vào từng trang di chúc, không điểm chỉ trước mặt những người làm chứng là ông S2 và ông O (riêng bà Th3 và ông B1 thì đã chết không xác minh được), kết quả giám định cũng không xác định được vân tay trên bản di chúc có phải của bà Nh hay không. Do đó, Bản án sơ thẩm kết luận bản di chúc không đảm bảo điều kiện có hiệu lực là có cơ sở và đúng pháp luật. Những nội dung ông Nguyễn Văn Đ nêu trong đơn kháng cáo đều đã được cấp sơ thẩm xem xét, đánh giá trước khi tuyên xử nên không có căn cứ chấp nhận. Ông Nguyễn Văn Đ kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm nhưng không cung cấp được tài liệu chứng cứ nào mới để chứng minh cho yêu cầu của mình. Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa. Căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa,

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tòa án nhân dân cấp sơ thẩm tiến hành trình tự thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, không làm ảnh hưởng quyền và lợi ích hợp pháp của các đương sự.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị đơn ông Nguyễn Văn T vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt; bà Nguyễn Thu S, bà Nguyễn Thu G, ông Nguyễn Quốc H là người kế quyền, nghĩa vụ tố tụng của ông Nguyễn Thành Ng và bà Nguyễn Ngọc N vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn Đ1, ông Nguyễn Văn N1, bà Nguyễn Thị H vắng mặt mặc dù đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 3 Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 tiến hành xét xử vụ án.

[2] Nội dung yêu cầu khởi kiện:

Ông Nguyễn Văn Th2 (chết năm 1964) và bà Nguyễn Thị Nh (chết năm 2012), ông Th2 và bà Nh có 09 người con gồm, Nguyễn Thị S1, Nguyễn Thành Ng (chết), Nguyễn Văn Đ, Nguyễn Thị N (chết không có chồng, con), Nguyễn Văn Đ1, Nguyễn Văn N1, Nguyễn Thị H, Nguyễn Thị D và Nguyễn Văn T.

Nguyên đơn trình bày ông Th2 chết không có để lại di chúc, bà Nh chết có để lại di chúc lập ngày 02/8/2007, nội dung di chúc bà Nh cho nguyên đơn diện tích đất 1.000m², thuộc một phần thửa đất số 1403, diện tích 900m² và thửa đất số 1404, diện tích 860m², cùng tờ bản đồ số 3, tọa lạc tại ấp DA, xã APT, huyện CK, tỉnh Trà Vinh. Sau khi bà Nh chết, năm 2012 bà Dừa và ông Ng tự ý xây dựng nhà trên phần đất bà Nh để lại thừa kế cho nguyên đơn. Nay nguyên đơn yêu cầu bà Dừa; những người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của ông Ng di dời nhà và ông T di dời cây trái có trên đất để trả lại diện tích đất trên cho nguyên đơn theo di chúc ngày 02/8/2007 của bà Nh. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan cùng phía với nguyên đơn thống nhất với lời trình bày và yêu cầu của nguyên đơn.

Bị đơn ông Nguyễn Văn T trình bày: Đối với di chúc của bà Nh ông đề nghị xem xét theo quy định của pháp luật. Bị đơn bà Nguyễn Thị D, người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của ông Nguyễn Thành Ng và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan cùng phía với bị đơn trình bày ông Đ tự ý lập di chúc chia tài sản của ông Th2, bà Nh cho ông Đ diện tích đất trên, di chúc này không thể hiện ý chí của bà Nh và chưa được sự đồng ý của anh em trong gia đình, vì đây là tài sản chung của ông Th2 với bà Nh. Do di chúc không hợp pháp nên các ông bà không đồng ý theo yêu cầu khởi kiện của ông Đ.

[3] Tòa án cấp sơ thẩm nhận định:

Ông Đ có cung cấp tờ di chúc của bà Nh lập ngày 02/8/2007, với nội dung cho ông Đ hưởng thừa kế diện tích đất 1.000m², thuộc thửa số 1403, 1404 (nằm cặp lộ lớn, đây đất dưới phía bên vườn giáp ranh đất của Tám Trạng, Sáu Niệm), tờ di chúc bà Nh có điểm chỉ và có ba người làm chứng, gồm ông Phạm Văn O, ông Trịnh Văn S2, bà Nguyễn Thị Th3 (bà Th3 đã chết), có xác nhận của ông Nguyễn Văn B2 Trưởng Ban nhân dân ấp DA (ông B2 đã chết) và xác nhận của Ủy ban nhân dân xã APT (bút lục

số 409, 410). Tại thời điểm bà Nh lập di chúc thì Bộ luật dân sự năm 2005 đang có hiệu lực thi hành, do đó về hình thức và nội dung của tờ di chúc phải tuân thủ đúng theo quy định của Bộ luật dân sự năm 2005.

Về hình thức của tờ di chúc, thì di chúc được lập bằng văn bản có người làm chứng là đúng theo quy định tại Điều 649, Điều 650 và Điều 656 của Bộ luật dân sự năm 2005.

Về nội dung tờ di chúc, có ghi cụ thể ngày, tháng, năm lập di chúc, họ tên và nơi cư trú của người lập di chúc, họ tên, địa chỉ của người được hưởng di sản và nơi có di sản để lại. Di chúc do bà Nh lập ngày 02/8/2007 có hai trang nhưng bà Nh không điểm chỉ vào từng trang của tờ di chúc. Tại khoản 2 Điều 653 của Bộ luật dân sự năm 2005 quy định “Nếu di chúc gồm nhiều trang thì mỗi trang phải được đánh số thứ tự và có chữ ký hoặc điểm chỉ của người lập di chúc”. Đối chiếu với quy định trên thì tờ di chúc do bà Nh lập ngày 02/8/2007 là chưa đúng.

Di chúc do bà Nh lập ngày 02/8/2007 được đánh máy và lập thành văn bản có 03 người làm chứng. Tại Điều 656 của Bộ luật dân sự năm 2005 quy định “Trong trường hợp người lập di chúc không thể tự mình viết bản di chúc thì có thể nhờ người khác viết, nhưng phải có ít nhất là hai người làm chứng. Người lập di chúc phải ký hoặc điểm chỉ vào bản di chúc trước mặt những người làm chứng, những người làm chứng xác nhận chữ ký, điểm chỉ của người lập di chúc và ký vào bản di chúc. Trong tờ di chúc ngày 02/8/2007 có 03 người làm chứng, gồm ông Phạm Văn O, ông Trịnh Văn S2 và bà Nguyễn Thị Th3 (bà Th3 đã chết), tại biên bản xác minh ngày 01/11/2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Trà Vinh đối với ông Trịnh Văn S2 thì ông S2 xác nhận, năm 2007 ông qua nhà ông T nhậu, sau đó ông T có đưa tờ di chúc cho ông ký tên làm chứng, nhưng nội dung cụ thể của tờ di chúc như thế nào thì ông không biết, ông không có chứng kiến việc bà Nh ký tên hay lấn tay trong di chúc (bút lục số 476); Tại biên bản xác minh ngày 01/11/2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Trà Vinh đối với ông Phạm Văn O thì ông On xác nhận, ông T có kêu ông qua nhà ký tên làm chứng thì ông có qua ký tên, nhưng nội dung cụ thể di chúc như thế nào thì ông không biết, ông T làm sẵn giấy ông chỉ ký tên, khi ký tên ông không để ý bà Nh có lấn tay hay ký tên hay không (bút lục số 478). Mặt khác, tờ di chúc ngày 02/8/2007 có ông Nguyễn Minh K Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã APT ký xác nhận, tại biên bản xác minh ngày 01/11/2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Trà Vinh đối với ông Nguyễn Minh K thì ông K xác nhận, từ năm 2005 đến năm 2012 ông là Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã APT, năm 2007 ông có ký xác nhận trong tờ di chúc của bà Nh là ông ký xác nhận chữ ký của Trưởng Ban nhân dân ấp DA thời điểm năm 2007, còn nội dung thì ông không biết và không nhớ lúc ký xác nhận di chúc gồm những ai có mặt (bút lục số 475). Ông T thừa nhận khi lập tờ di chúc thì ông là người trực tiếp đọc nội dung di chúc cho người đánh máy ghi lại, chứ không có mặt bà Nh, vì bà Nh đã bàn bạc trước nội dung di chúc với ông. Ngoài ra, tại kết luận giám định số: 18/KLGD của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Trà Vinh kết luận: Không đủ cơ sở kết luận điểm chỉ vân tay trong tờ di chúc, được chứng thực của Ủy ban nhân dân xã APT, huyện CK, tỉnh Trà Vinh ngày

02/8/2007 (ký hiệu A) so với điểm chỉ vân tay trên tờ khai chứng minh nhân dân số 330354511, họ tên Nguyễn Thị Nh, sinh năm 1920 (ký hiệu M) có phải do cùng một người in ra hay không (bút lục số 485). Như vậy, đối chiếu với quy định của pháp luật thì di chúc của bà Nh lập ngày 02/8/2007 không đảm bảo về điều kiện có hiệu lực của di chúc bằng văn bản có người làm chứng.

Từ những nhận định trên, Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Văn Đ.

Tại Tòa án cấp phúc thẩm, nguyên đơn nộp giải trình kháng cáo có kèm theo USB có file ghi âm về lời dặn dò của bà Nh để chứng minh cho yêu cầu kháng cáo của mình. Tuy vậy, bị đơn cho rằng file ghi âm này đã được nguyên đơn xuất trình tại cấp sơ thẩm, bị đơn đã được nghe nội dung bà Nh nói không liên quan đến nội dung của bản di chúc. Nguyên đơn đã rút, không xuất trình chứng cứ này tại cấp sơ thẩm. Phía bị đơn đề nghị Hội đồng xét xử bác yêu cầu kháng cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm. Xét thấy, trước trình bày của phía bị đơn như trên, nguyên đơn không phản bác bị đơn nhưng cho rằng lời nói của bà Nh trong file ghi âm nói về đất mặt tích là 1000m² đất mà nguyên đơn đang đòi. Bản thân phía nguyên đơn cũng không có chứng cứ chứng minh cho phần trình bày của mình.

[4] Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm nhận định: Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét đầy đủ các chứng cứ và làm rõ những tình tiết trong vụ án đã nhận định và phán quyết đúng quy định của pháp luật. Do vậy, Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm chấp nhận lời đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh, không chấp nhận nội dung đơn kháng cáo của nguyên đơn, giữ nguyên bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân tỉnh Trà Vinh.

[5] Án phí dân sự phúc thẩm:

Ông Nguyễn Văn Đ thuộc trường hợp miễn án phí theo quy định tại điểm d khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự 2015,

I/ Không chấp nhận nội dung đơn kháng cáo của nguyên đơn ông Nguyễn Văn Đ. Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 03/2020/DS-ST ngày 24 tháng 02 năm 2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Trà Vinh.

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Văn Đ, về việc yêu cầu bà Nguyễn Thị D; những người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của ông Nguyễn Thành Ng di dời nhà và ông Nguyễn Văn T di dời cây trái có trên đất để trả lại diện tích đất 1.000m², thuộc một phần thửa số 1403, 1404, cùng tờ bản đồ số 3, tọa lạc

tại ấp DA, xã APT, huyện CK, tỉnh Trà Vinh cho ông Nguyễn Văn Đ theo di chúc bà Nguyễn Thị Nh lập ngày 02/8/2007.

2. Đình chỉ yêu cầu phản tố của ông Nguyễn Văn T, về việc yêu cầu ông Nguyễn Văn Đ bồi thường giá trị cây trồng trên đất bằng 10.000.000 đồng (*Mười triệu đồng*) và tiền công tôn tạo đất bằng 10.000.000 đồng (*Mười triệu đồng*).

II/ Án phí dân sự phúc thẩm: Ông Nguyễn Văn Đ được miễn án phí dân sự phúc thẩm.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao (1);
- VKSNDCC tại TP.HCM (1);
- TAND Trà Vinh (1);
- VKSND Trà Vinh (1);
- Cục THADS Trà Vinh (1);
- Các đương sự (26);
- Lưu: hồ sơ (1), VP(3), 40b (VTPT);

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Thị Duyên